

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỦY

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 2405/TB-SGTCC ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Sở Giao thông công chính xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế toán Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 của Trung tâm Quản lý Đường thủy (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Kế toán Tài chính và Trưởng các phòng, trạm có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở GTCC ;
- Lưu: VT, KTTC_Vĩnh.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Tuấn

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 142/QĐ-TTQLĐT ngày 23/04/2025 của Trung tâm Quản lý Đường thủy)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	39.600.000	39.600.000	-
1	Phí			-
2	Lệ phí	39.600.000	39.600.000	-
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	-	-	-
1	Chi sự nghiệp kinh tế	-	-	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	39.600.000	39.600.000	-
1	Phí	-	-	-
2	Lệ phí	39.600.000	39.600.000	-
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	151.788.709.545	151.797.628.545	(8.919.000)
I	Nguồn ngân sách trong nước	151.788.709.545	151.797.628.545	(8.919.000)
1	Chi sự nghiệp kinh tế	151.788.709.545	151.797.628.545	(8.919.000)
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	18.871.201.047	18.871.201.047	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	132.917.508.498	132.926.427.498	(8.919.000)
	Kinh phí hoạt động	22.167.411.549	22.167.411.549	-
	Kinh phí duy tu	110.750.096.949	110.759.015.949	(8.919.000)



Handwritten signature